



TÌNH HÌNH DÂN NHẬP CƯ CỦA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH THỜI KÌ 1999 – 2009*

Huỳnh Phẩm Dũng Phát*, Phạm Đỗ Văn Trung*, Nguyễn Ngọc Hoàng Vân*

Ngày Tòa soạn nhận được bài: 07-6-2016; ngày phân biên đánh giá: 30-12-2016; ngày chấp nhận đăng: 22-02-2017

TÓM TẮT

Thành phố Hồ Chí Minh (TPHCM) là địa phương có quy mô dân số lớn nhất cả nước và đang gia tăng một cách nhanh chóng, trong đó, gia tăng cơ học góp phần đáng kể. Bài viết tìm hiểu về xu hướng gia tăng dân số cơ học của các vùng nội và ngoại thành cũng như quy mô, tốc độ tăng dân nhập cư, cùng những đặc điểm của người nhập cư. Bước đầu tìm hiểu các yếu tố tạo lực hút tại vùng nhập cư và những lực đẩy tại vùng xuất cư, phân tích đưa ra nguyên nhân tác động đến người nhập cư vào thành phố; từ đó, đề xuất một số tham vấn bước đầu về điều tiết, phân bố dân cư phù hợp để có thể tận dụng được lực lượng dân nhập cư, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Từ khóa: dân số, nhập cư, gia tăng dân số, phân bố dân cư.

ABSTRACT

The immigration situation in Ho Chi Minh City from 1999 to 2009

Ho Chi Minh City has the highest population in the country and it is increasing rapidly. The article investigates the mechanical trend of population growth in suburban and urban areas as well as the scale and speech of immigration growth, alongside with immigrants' characteristics. The initial research of factors creating attraction forces in the immigration areas and propulsive forces in the emigration areas shows several reasons that people emigrate to the city; in light of which some initial counsels for proper regulation and distribution of the population are proposed to exploit the immigrant force, contributing to the social-economic growth of the city.

Keywords: population, immigration, population growth, distribution of population.

1. Đặt vấn đề

Kết quả hai cuộc tổng điều tra dân số và nhà ở gần nhất cho thấy TPHCM là địa phương có quy mô dân số lớn nhất cả nước và đang có sự gia tăng nhanh chóng, chủ yếu là do gia tăng cơ học. Điều này có thể xem là tất yếu vì đây là trung tâm kinh tế, văn hóa, chính trị, khoa học kỹ thuật lớn nhất nước ta. Dân cư từ các vùng khác

nhau của cả nước di cư đến để học tập, lao động và sinh sống. Vì thế, vấn đề gia tăng cơ học nói chung và dân nhập cư nói riêng là mối quan tâm hàng đầu trong chính sách phát triển dân số ở TPHCM. Bài viết bước đầu tìm hiểu về hiện trạng và một số đặc điểm của dân nhập cư, từ đó đưa ra một số giải pháp về phân bố dân cư, sử dụng nguồn lao động hợp lý.

* Khoa Địa lí, Trường Đại học Sư phạm TPHCM; Email: hpdphat@gmail.com

2. Nội dung

2.1. Gia tăng dân số cơ học và tình hình nhập cư vào TPHCM

2.1.1. Gia tăng dân số và gia tăng cơ học ở TPHCM

TPHCM là đầu tàu của nền kinh tế đất nước với tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, đời sống nhân dân ngày càng được cải thiện. Số lượng các cơ sở xí nghiệp

công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ ngày càng tăng nhanh, nhu cầu lao động cao, số người nhập cư có xu hướng ngày càng nhiều đã góp phần đẩy mạnh tốc độ đô thị hóa cũng như gia tăng dân số Thành phố. Trong 10 năm, dân số Thành phố tăng thêm 2.086.185 người với tốc độ tăng dân số tự nhiên là 1,27%. [1]

Bảng 1. Biến động dân số ở TPHCM thời kì 1999 – 2009

Đơn vị: Người

	1999	2004	2009
Toàn thành phố	5.037.155	6.117.251	7.123.340
Dân số các quận	4.124.287	5.140.412	5.841.987
Dân số các huyện	912.868	976.839	1.281.353

Nguồn: [1], [2], [4]

Bảng 1 cho thấy từ 1999 đến 2009, dân số Thành phố có xu hướng tăng dù giai đoạn gần đây sự gia tăng có phần chậm lại. Giai đoạn 1999 – 2004, dân số tăng thêm 1.080.096 người (số người nhập cư là 624.542 người). Giai đoạn 2004 – 2009, dù dân số có tăng chậm hơn giai đoạn trước nhưng vẫn ở mức cao, khoảng 1.006.089 người, gần bằng dân số của một tỉnh có quy mô nhỏ. Trong khi đó, số người nhập cư lại cao hơn giai đoạn trước, vào khoảng 661.200 người. Như vậy, dân số Thành phố chủ yếu tăng do gia tăng cơ học và chủ yếu là do nhập cư.

Địa bàn tập trung dân cư của thành phố vẫn là các quận (hay còn gọi là khu vực nội thành), chiếm đến 82% dân số, các huyện ngoại thành chỉ chiếm 18% dân số. Tuy cả nội và ngoại thành đều có sự gia tăng dân số nhưng dân cư có chiều hướng giãn dần ra ngoại thành. Dân số ở các quận

chỉ tăng thêm 701.575 người trong giai đoạn 2004 – 2009 so với 1.080.096 người trong giai đoạn 1999 – 2004. Trong khi dân số ở các huyện lại tăng 304.514 người so với 63.971 người trong cùng thời gian.

2.1.2. Quy mô và tốc độ tăng dân nhập cư vào TPHCM

Với chức năng là trung tâm kinh tế, văn hóa của cả nước cùng với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa thúc đẩy kinh tế tăng trưởng mạnh mẽ, Thành phố đã hình thành cực hút dân cư các địa phương khác đến sinh sống, làm việc và học tập [3]. Do đó, tốc độ gia tăng cơ học của TPHCM rất cao; trong đó, số người xuất cư từ Thành phố khá thấp (năm 2009, tỉ suất xuất cư là 20,8‰ so với tỉ suất nhập cư là 156,4‰) [1]. Vì thế, khi xem xét đánh giá tốc độ gia tăng dân số cơ học của Thành phố cần hướng đến việc đánh giá về dân nhập cư.

Bảng 2. Tốc độ gia tăng dân số TPHCM thời kì 1999 - 2009

Đơn vị: %

	1999	2009	Bình quân thời kì 1999-2009
Tốc độ gia tăng dân số	3,6	3,2	3,5
Tốc độ gia tăng tự nhiên	1,35	1,03	1,27
Tốc độ gia tăng cơ học	2,25	2,17	2,23

Nguồn: [1], [2], [4]

Tốc độ gia tăng tự nhiên năm 2009 có xu hướng giảm so với năm 1999 (giảm 0,4%), bình quân của thời kì vào khoảng 3,5%/năm (cao hơn thời kì 1989 – 1999). Trong đó, tốc độ gia tăng cơ học lại tăng mạnh so với thời kì trước. Nếu thời kì 1989 – 1999 tốc độ gia tăng cơ học chỉ ở mức 0,84%/ năm thì 10 năm tiếp theo tốc độ này đã tăng gấp 2,8 lần, bình quân vào khoảng 2,23 %/năm [5]. Trong thời kì 1999 – 2009, tốc độ gia tăng cơ học luôn

cao hơn 2% làm cho tốc độ gia tăng dân số luôn trên mức 3% trong khi gia tăng tự nhiên lại có chiều hướng giảm xuống (xem Bảng 2).

Tốc độ gia tăng cơ học có sự khác biệt giữa các đơn vị hành chính trên địa bàn. Không xét đến các huyện, chỉ riêng địa bàn các quận cũng đã có sự phân hóa khi các quận mới thành lập hoặc xa trung tâm thu hút dân cư đến mạnh hơn so với các quận trung tâm và quận hình thành lâu đời.

Bảng 3. Tốc độ gia tăng cơ học thời kì 1999 – 2009 của một số địa phương

	Tốc độ gia tăng cơ học bình quân (%/năm)
Toàn thành	2,23
Nhóm quận xa trung tâm hoặc thành lập sau	
Quận 2	3,02
Quận 7	5,94
Quận 9	4,73
Quận 12	9,02
Quận Thủ Đức	7,81
Quận Tân Bình*	3,94
Huyện Bình Chánh*	13,29
Quận Gò Vấp	5,84
Nhóm quận trung tâm và hình thành lâu đời	
Quận 1	-3,82

Quận 3	-3,25
Quận 4	-2,37
Quận 5	-4,72
Quận 6	-2,23
Quận 8	0,43
Quận 10	-1,63
Quận 11	-2,34
Quận Phú Nhuận	-2,13

**Năm 2003, quận Tân Bình tách ra thành quận Tân Bình và quận Tân Phú, huyện Bình Chánh tách ra thành quận Bình Tân và huyện Bình Chánh.*

Nguồn: [5]

Bảng 3 cho thấy, tất cả các quận xa trung tâm và quận thành lập sau đều có tốc độ gia tăng cơ học cao hơn mức trung bình của toàn Thành phố. Trong nhóm này cũng có sự phân hóa nhất định khi huyện Bình Chánh (năm 2003 tách ra thành quận Bình Tân và huyện Bình Chánh) có tốc độ tăng cao nhất đạt 13,29%/năm, cao gấp 5,8 lần so với mức bình quân toàn Thành phố. Do đây là cửa ngõ phía Tây của Thành phố tiếp giáp với các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long và địa bàn này vốn tập trung nhiều nhà máy, xí nghiệp, dễ tìm việc, chi phí sống thấp và giao thông thuận tiện nên đón nhận lượng người di cư rất lớn. Các Quận 12 (9,02%/năm), Thủ Đức (7,81%) là cửa ngõ phía Đông cũng có mức tăng rất cao.

Trong số 24 quận, huyện của toàn Thành phố thì có 9 quận, huyện tập trung hơn 30% người nhập cư đến sinh sống. Trong đó, nhiều nhất là quận Bình Tân 204.951 người, chiếm 51,3% dân số toàn quận, tiếp theo là quận Gò Vấp 181.200

người, chiếm 40,3%, quận Thủ Đức với 160.466 người, chiếm 47,6% dân số của Quận. Dân nhập cư tập trung ở các quận xa trung tâm, quận mới thành lập vì đây thường là nơi diễn ra quá trình đô thị hóa mạnh, giá nhà ở, dịch vụ phù hợp với nhiều tầng lớp hơn so với quận trung tâm. Thời kỳ 1999 – 2009 cũng là lúc hạ tầng được đầu tư, phát triển các khu đô thị mới nhằm giãn dân tại khu vực trung tâm. Hơn nữa, theo hiện trạng và các quy hoạch, các quận xa trung tâm là nơi tọa lạc các đầu mối giao thông vận tải như sân bay Tân Sơn Nhất, bến xe Miền Đông, bến xe Miền Tây, đây cũng là những địa điểm thu hút dân nhập cư tập trung vì tiện đi lại và buôn bán. Người nhập cư thuê hoặc mua nhà ở các quận này vẫn có thể vào làm việc ở những quận trung tâm để giảm chi phí sinh hoạt.

Di dân đến Thành phố là một hiện tượng tất yếu trong quá trình đô thị hóa. Tuy nhiên, việc người nhập cư chủ yếu tập trung vào các quận mới và quận xa trung tâm làm cho tốc độ gia tăng dân số tăng lên

rất nhanh, quy mô dân số ngày càng lớn trong khi đa phần các địa phương này đều còn có nhiều hạn chế về cơ sở hạ tầng cũng đã tạo ra nhiều bất cập trong việc đầu tư phát triển đô thị, xây dựng cơ sở hạ tầng vật chất kỹ thuật và xã hội cũng như quản lý đô thị tại các địa bàn này trong quá trình đô thị hóa làm tăng thêm áp lực với những vấn đề vốn đã nan giải của thành phố như ô nhiễm môi trường, tắc nghẽn giao thông, nhà ở, tệ nạn xã hội, vấn đề việc làm.

Ngược lại xu hướng trên, các quận trung tâm Thành phố lại có mức gia tăng cơ học âm do dân số chuyển đi nhiều hơn dân số chuyển đến. Nguyên nhân dân nhập cư ít chuyển đến những quận nội thành do chi phí về nhà ở, các dịch vụ phục vụ sinh hoạt đất đỏ. Bên cạnh đó, khu vực trung tâm được ưu tiên phát triển văn phòng, trụ sở làm việc và những công trình công cộng của Thành phố, nên một số lượng lớn dân cư đã được di dời nhằm làm giảm mật độ, giãn dân.

2.1.3. Đặc điểm của người nhập cư vào TPHCM

a) Nguồn gốc nhập cư

Kết quả hai cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 1999 và 2009 cho thấy người nhập cư TPHCM có nguồn gốc từ mọi miền đất nước. Tại thời điểm năm 1999, ba vùng: trung du miền núi phía Bắc, đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung Bộ chiếm 24,7% tổng số dân nhập cư, đến năm 2009 vùng Bắc Trung Bộ và đồng bằng sông Hồng đã chiếm đến 39,3%, vùng đồng bằng sông Cửu Long chiếm 29,7%, trong khi người đến từ vùng Đông Nam Bộ

chỉ chiếm 13,3%. [1], [4].

b) Cơ cấu giới tính

Hiện nay, nhập cư vào Thành phố có tỉ trọng nữ giới cao hơn nam giới. Chỉ tính riêng ba vùng có số lượng người di cư lớn đến TPHCM (đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ, đồng bằng sông Cửu Long) thì nữ chiếm đến 71,8% và nam chỉ chiếm 28,2%. Điều này là do trong quá trình chuyển đổi kinh tế, Thành phố phát triển mạnh các nhóm ngành dịch vụ và những ngành công nghiệp nhẹ phù hợp với nữ giới hơn nam giới. Đáng kể nhất vẫn là tại các khu công nghiệp, khu chế xuất với các ngành giày da, may mặc, chế biến thủy hải sản đã thu hút lớn số lượng nữ nhập cư vào Thành phố. Trên địa bàn Thành phố, vào năm 2009, có 37.165 doanh nghiệp với 892.960 công nhân đang làm việc và đa phần là lao động nữ. [5]

c) Độ tuổi, tình trạng hôn nhân của người nhập cư

Đa số người nhập cư vào TPHCM nằm trong độ tuổi lao động với độ tuổi ngày càng trẻ, góp phần làm thay đổi cơ cấu dân số theo hướng trẻ hóa, đem lại những lợi ích về tiềm năng lao động và nguồn nhân lực cho Thành phố. Năm 2009, nhóm từ 20 đến dưới 35 tuổi chiếm gần 75% dân số nhập cư. Cụ thể, nhóm 20 – 24 tuổi chiếm đến 39,2%, nhóm 25 – 29 tuổi chiếm 22,6% và nhóm 30 – 34 tuổi chiếm 13,1%. [1]

Ngoài ra, người nhập cư đến Thành phố phần lớn đang trong tình trạng độc thân với 51,4% chưa có vợ chồng, chỉ có 46,2% số người nhập cư có gia đình, so với

vùng Đông Nam Bộ thì tình trạng hôn nhân của người nhập cư diễn biến ngược lại khi 51,8% là người có gia đình và 46,8% là người độc thân di cư đến. Số lượng nữ giới còn độc thân chiếm 49,8% tổng số nữ và đối với nam là 53,7% vào năm 2009. [1]

d) Trình độ học vấn và trình độ chuyên môn

Trình độ học vấn và trình độ chuyên môn của lao động nhập cư TPHCM có sự suy giảm nhất định, trước đây người nhập cư TPHCM được chọn lọc kỹ hơn về điều kiện công tác, chuyển công tác... để nhập hộ khẩu, ngày nay việc nhập cư được tự do hơn, số người nhiều hơn và ít được chọn lọc hơn.

Theo thống kê của Liên đoàn Lao động TPHCM và Ban Quản lý các khu chế xuất - khu công nghiệp thì trên địa bàn Thành phố có 37.165 doanh nghiệp với 892.960 công nhân đang làm việc; trong đó có 250.000 công nhân làm việc tại 940 doanh nghiệp trong khu chế xuất, khu công nghiệp và 642.960 công nhân tại 36.225 doanh nghiệp bên ngoài. Lao động trong các khu công nghiệp có 70% là lao động nhập cư, lao động phổ thông.

Trong số dân nhập cư, có một bộ phận là sinh viên. Những sinh viên này sau khi tốt nghiệp đã tìm việc làm tại Thành phố do nhiều nguyên nhân: thứ nhất, cơ hội việc làm của lao động có trình độ cao hơn; thứ hai, có nhiều cơ hội sử dụng chuyên môn hơn; thứ ba, cuộc sống ở đô thị thường có sức hút đối với giới trẻ. Đây chính là bộ phận nhập cư thường xuyên nhất, là nguồn bổ trợ chất lượng cho lực

lượng lao động của Thành phố.

2.2. Nguyên nhân nhập cư TPHCM

Có nhiều nguyên nhân tác động đến người nhập cư TPHCM ở cả nơi đi và đến.

2.2.1. Các yếu tố tạo lực hút tại vùng nhập cư

TPHCM có tốc độ tăng GRDP cao, từ 6,2% năm 1999 tăng lên 12,6% năm 2009. Kinh tế phát triển dẫn đến nhu cầu lao động gia tăng, là yếu tố thu hút lao động nhập cư từ các địa phương khác. Thành phố là trung tâm công nghiệp lớn nhất cả nước, năm 2009 tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp chiếm đến 22,1% tổng giá trị sản xuất công nghiệp của cả nước [5]. Ngoài ra, đây còn là địa phương dẫn đầu cả nước về số lượng và hiệu quả kinh tế của khu công nghiệp, khu chế xuất. Các khu công nghiệp, khu chế xuất đều tập trung tại các quận ven, quận mới và ngoại thành Thành phố. Nhu cầu về lao động của các khu công nghiệp, khu chế xuất nói riêng và các cơ sở công nghiệp, dịch vụ nói chung là rất lớn; vì vậy, đã góp phần đẩy nhanh tốc độ gia tăng dân số cơ học của TPHCM trong giai đoạn 1999 – 2009.

Thành phố còn là trung tâm giáo dục đào tạo đứng thứ hai cả nước sau thủ đô Hà Nội, vì vậy số lượng người đến học tập cũng khá lớn. Số sinh viên các trường cao đẳng và đại học tăng 4,4%/năm trong giai đoạn 1999 – 2009, từ 221.791 sinh viên tăng lên 533.341 sinh viên [5]. Sự đa dạng về loại hình đào tạo đã thu hút lượng người đến thành phố học tập ngày càng đông. Sau khi tốt nghiệp, một lượng khá lớn sinh viên

tiếp tục ở lại Thành phố tìm kiếm cơ hội, do việc làm ở TPHCM rất phong phú và đa dạng: có những ngành đòi hỏi chất xám cao, đồng thời cũng có những ngành nghề lao động phổ thông, không cần nhiều trình độ văn hóa, kĩ thuật.

Bên cạnh đó, TPHCM có mức tăng trưởng kinh tế cao hơn tốc độ tăng bình quân của cả nước, đạt 12,6% năm 2009 (cả nước 8,5%). Tổng GRDP tăng nhanh từ 52.754 tỉ đồng năm 1999 tăng lên 135.053 tỉ đồng năm 2009, tăng 2,6 lần so với năm 1999. Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân đầu người luôn cao hơn 3 lần so với mức bình quân của toàn quốc. Năm 1999 đạt 10,08 triệu đồng/người/năm, đến năm 2009 đạt 18,7 triệu/người/năm (so với toàn quốc là 3,5 triệu/người và 6,42 triệu/người/năm) [2]. Thu nhập cao là yếu tố tạo lực hút rất lớn đối với dân nhập cư từ các tỉnh, vì nguyên nhân chủ yếu của di cư đến thành phố đa phần là do mục đích kinh tế.

Ngoài ra, luật cư trú quy định về đăng kí tạm trú, thường trú đối với công dân Việt Nam tại các đô thị lớn còn đơn giản, đã tạo điều kiện thuận lợi cho sự tăng mạnh dân nhập cư TPHCM. Trước đây, để được đăng kí hộ khẩu, thời gian tạm trú tại Thành phố tối thiểu 5 năm, có việc làm ổn định lâu dài và phải là chủ sở hữu nhà ở hợp pháp. Trong khi đó, Luật Cư trú hiện nay chỉ yêu cầu thời gian tạm trú hai năm đối với khu vực nội thành và một năm đối với ngoại thành; không ràng buộc về điều kiện công việc; riêng nơi ở hợp pháp thì không bắt buộc phải đứng tên sở hữu nhà. Ngoài ra, Thành phố cũng đã ban hành

nhiều chính sách ưu đãi về nhà ở cho người thu nhập thấp, như chỉ thị số 07/2003/CT-UB ngày 23/4/2003 nhằm hỗ trợ cho người thu nhập thấp có điều kiện vay vốn để tạo lập nhà ở, xây dựng các khu tái định cư ở các quận ven và quận mới để giãn dân từ nội thành ra. Chính sách về nhà ở thông thoáng, tạo điều kiện cho người nhập cư có thể mua nhà ổn định cuộc sống đã làm gia tăng số người nhập cư TPHCM.

Hiện nay, dân cư đang chuyển về các quận xa trung tâm và quận thành lập sau chứ không phải ở các quận trung tâm như trước đây. Các quận nội thành cũ của Thành phố gồm Quận 1, 3, 4, 5, 6, 10, 11, Phú Nhuận đều giảm số dân. Năm 2009, mật độ dân số của các quận như Thủ Đức, 12, 8, 7 đều tăng lên so với năm 1999, điều này chứng tỏ dân cư đang lan tỏa ra những vùng ngoại thành. Đa phần người lao động nhập cư sống tập trung ở các quận xa trung tâm và quận thành lập sau, như quận Thủ Đức là 48,9%, Quận 12 là 48,8%, quận Tân Phú 47,7%, quận Gò Vấp là 41,7%, Quận 7 là 37,8%, quận Tân Bình 36,8%, quận Bình Chánh 32,5% [1]. Nguyên nhân là do giá cả (đất đai, sinh hoạt phí...) của các địa bàn này tương đối thấp hơn so với các quận trung tâm; cùng chính sách mới về quản lí đô thị, giãn dân về các hướng đô thị ngoại thành, giảm áp lực cho khu vực trung tâm về mọi mặt.

2.2.2. Các yếu tố tạo lực đẩy tại vùng xuất cư

Ở vùng xuất cư, vấn đề thất nghiệp hay việc làm có thu nhập thấp, bấp bênh; vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng của

thiên tai như bão, lũ lụt, hạn hán... là các yếu tố tạo lực đẩy tại vùng xuất cư. Điều kiện sinh hoạt ở nơi xuất cư đa phần cho thấy mức sống vật chất lẫn tinh thần còn thấp so với TPHCM, như: điều kiện học tập, vui chơi giải trí, chăm sóc sức khỏe, nhà ở, giao thông... [3]

Vùng nông thôn dân số đông, thiếu đất canh tác, nhiều vùng sản xuất thuần nông nên thu nhập và mức sống của người dân còn thấp. Các đô thị tỉnh lẻ chưa thật sự phát triển toàn diện, khả năng tạo việc làm đa dạng còn hạn chế, cùng với tâm lí mặc cảm khi tham gia các ngành nghề lao động giản đơn, làm công nhân ngay tại địa phương sinh sống của bản thân người lao động. Chính vì vậy, ngay cả vùng đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ, mặc dù khoảng cách khá xa nhưng cũng có dấu hiệu di cư đến TPHCM để tìm việc làm. Hay một phần di cư do biến đổi khí hậu tác động đến yếu tố kinh tế. Trong trường hợp này, các cá nhân, hộ gia đình di cư do sinh kế bị ảnh hưởng, chẳng hạn ở đồng bằng sông Cửu Long chịu tác động của xâm nhập mặn, ảnh hưởng một bộ phận nông dân.

Hoạt động sản xuất, kinh tế tại các địa phương, đặc biệt là các tỉnh có kinh tế khó khăn, còn chưa đa dạng, thu nhập có sự chênh lệch khá lớn so với TPHCM, đã dẫn tới sự chuyển cư từ các vùng đến Thành phố. Mức thu nhập bình quân một tháng của lao động khu vực nhà nước ở Thành phố năm 2009 là 2.515,2 nghìn đồng, cao gấp 1,4 lần mức thu nhập của lao động đồng bằng sông Hồng; 1,5 lần vùng

Bắc Trung Bộ và đồng bằng sông Cửu Long [2].

2.3. Một số giải pháp nhằm tăng tính chủ động định hướng dân nhập cư ở TPHCM

Di cư đến đô thị là một quy luật tất yếu, TPHCM không thể ngăn chặn dòng nhập cư mà nên xây dựng những cơ chế, những giải pháp để phân bố, tận dụng nguồn lao động nhập cư một cách hợp lí. Muốn như vậy, trong thời gian tới, Thành phố cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

(i) Đẩy mạnh việc thực hiện quy hoạch phát triển kinh tế và phân bố dân cư trên quan điểm vùng TPHCM. Trong đó, chú trọng đến việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tập trung phát triển các ngành công nghệ cao, chuyển dịch các ngành thâm dụng nhiều lao động về các địa phương lân cận. Khi đó, sẽ giảm được khá lớn lao động nhập cư trình độ còn hạn chế.

(ii) Tăng cường xây dựng hệ thống giao thông công cộng hiện đại, tiện nghi, vận chuyển nhanh chóng, an toàn, tạo điều kiện thuận lợi trong việc di chuyển giữa vùng trung tâm và ngoại thành; giữa TPHCM và các đô thị vệ tinh để tránh việc đón nhận dân cư từ các địa phương lân cận phải nhập cư vào Thành phố không cần thiết.

(iii) Phát triển cơ sở hạ tầng giao thông vận tải, khu dân cư, các dịch vụ công cộng ở khu vực vùng ven; trong đó, chú trọng đẩy nhanh tiến độ di dời các trường đại học, bệnh viện lớn ra các huyện ngoại thành nhằm tiếp tục nâng cao khả năng giãn dân ở khu vực nội thành.

3. Kết luận

Dân số là yếu tố cơ bản trong việc phát triển kinh tế - xã hội, do đó, để thúc đẩy tốc độ tăng trưởng kinh tế và đô thị hóa cần phát triển dân số và phân bố dân cư một cách hợp lí. Hai thách thức nổi bật của việc phát triển đô thị bền vững ở TPHCM hiện nay là quy mô dân số quá lớn, ngày càng tăng nhanh và tình trạng nhập cư tự phát vào Thành phố tiếp tục gia tăng trong những năm gần đây. Điều này dẫn đến những khó khăn trong việc quản lí dân cư nói riêng và quản lí kinh tế - xã hội nói chung.

Qua việc nghiên cứu những đặc điểm

cơ bản về dân nhập cư tại TPHCM, bài báo tạo tiền đề cho các hướng nghiên cứu tiếp theo trong việc tham vấn những chính sách cụ thể hơn đối với quản lí, tận dụng nguồn lao động của Thành phố nói chung và dân nhập cư nói riêng. Bên cạnh đó, chúng tôi cũng bước đầu đề xuất ba nhóm giải pháp như đã nêu trên nhằm định hướng cho việc chủ động điều tiết dân nhập cư đến Thành phố để nơi đây thực sự trở thành một đô thị văn minh, hiện đại; bảo đảm các vấn đề về môi trường sống; xứng đáng với vị trí là đầu tàu, động lực phát triển trên mọi mặt của cả nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương (2010), *Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2009 - Kết quả điều tra toàn bộ*, Nxb Thống kê.
2. Cục Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh (2011), *Niên giám thống kê 2010*, Nxb Thống kê.
3. Nguyễn Minh Hòa (2005), *Vùng đô thị châu Á và Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb Tổng hợp TPHCM.
4. Tổng cục Thống kê (2001), *Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam 1999 - Kết quả điều tra toàn bộ*, Nxb Thống kê.
5. Viện Nghiên cứu phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (2009), *Dân số với phát triển kinh tế - xã hội Thành phố Hồ Chí Minh*, TPHCM.

Ghi chú:

* Bài báo sử dụng số liệu từ hai cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 1999 và 2009.